



Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở Trường Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh

Lê Như Đặng¹, Phan Minh Tiến²

¹Trường THCS, THPT Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh

²Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận: 08/8/2025

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 25/10/2025

Ngày nhận đăng: 26/10/2025

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Quản lý giáo dục;

Giáo dục hướng nghiệp;

Trung học phổ thông;

Nam Việt.

TÓM TẮT

Bài báo phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông tại trường Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát và thống kê toán học, với khách thể là cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Kết quả cho thấy nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo các hoạt động giáo dục hướng nghiệp; tuy nhiên vẫn còn hạn chế về nội dung, hình thức triển khai, cơ sở vật chất và cơ chế phối hợp. Từ đó, nghiên cứu đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và gợi mở các định hướng cải tiến trong thời gian tới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam, công tác giáo dục hướng nghiệp (GDHN) giữ vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) định hình tương lai, lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội. Nghị quyết số 29-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định “Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu” và “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 2013); Đề án “*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 – 2025*” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Đây là những định hướng có tính chiến lược nhằm giải quyết tình trạng mất cân đối trong cơ cấu lao động, khắc phục hạn chế của giáo dục phổ thông vốn thiên về hàn lâm, ít gắn kết với thực tiễn.

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp ngày càng khẳng định vai trò then chốt trong hệ thống giáo dục toàn cầu. Nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Phần Lan, Canada, Úc, Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore... đã triển khai các chương trình hướng nghiệp (HN) ở trường phổ thông một cách có hệ thống, không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin mà còn tập trung vào phát triển kỹ năng lập kế hoạch, ra quyết định và thích nghi với sự biến đổi của thị trường lao động (Bureau of Labor Statistics, 2023; Nurmi et al, 2025; SkillsFuture Singapore, 2021; UNESCO, 2020).

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu của Phạm Văn Khanh (2012) “*GDHN trong dạy học các môn khoa học tự nhiên ở trường THPT khu vực Nam Trung Bộ*”; Bùi Văn Hưng (2013) “*Quản lý HĐGDHN trong các trường dạy nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động*”... đã giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về GDHN và quản lý HĐGDHN, tập trung đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả GDHN trong trường phổ thông, tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, phù hợp với đặc điểm vùng miền và nhu cầu phát triển xã hội.

Hiện nay, công tác HN đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục nhằm hỗ trợ HS xác định ngành nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, sự mất cân bằng trong cơ cấu lao động

Tác giả liên hệ: Phan Minh Tiến;

Địa chỉ e-mail: tienpm58@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.169.2025>

vẫn là bài toán nan giải. Nguyên nhân chính đến từ việc lựa chọn ngành nghề chưa dựa trên phân tích khoa học, xu hướng thị trường lao động và sự thiếu hiệu quả trong công tác GDHN (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2019). Trong bối cảnh đó, tại trường Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh, một cơ sở giáo dục ngoài công lập có sự phát triển nhanh trong những năm gần đây, đã quan tâm triển khai các HĐGDHN cho HS. Tuy nhiên, GDHN chưa thực sự phát huy hết vai trò của mình do những hạn chế trong quản lý và tổ chức. HĐGDHN còn thiếu sự đồng bộ, đôi khi chỉ mang tính hình thức. HS vẫn chịu nhiều tác động từ gia đình, bạn bè hoặc cảm tính cá nhân, thay vì dựa trên hiểu biết thực tiễn và khả năng của bản thân.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Khách thể nghiên cứu:* Nghiên cứu được tiến hành khảo sát 90 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và 300 HS THPT trường Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập dữ liệu. Điểm trung bình chung (ĐTBC) của các biểu hiện thành phần bằng tổng điểm của các câu chia cho tổng số câu. Sử dụng phương pháp thống kê toán học thông qua ứng dụng phần mềm SPSS 20.0 để thống kê, tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) cho các ý kiến khảo sát. Quy ước cách xử lý và đánh giá số liệu khảo sát đối với nội dung có 5 mức độ lựa chọn, của mỗi nội dung nằm trong khoảng: 0,8 (5-1/5). Các ký hiệu quy ước tại mỗi bảng khảo sát có ý nghĩa như bảng 1 sau:

Bảng 1. Quy ước thang định khoảng xử lý số liệu thực trạng

Mức độ lựa chọn	Định tính		Định lượng
	Mức độ thực hiện	Mức độ hiệu quả	
5	Rất thường xuyên	Rất tốt	$4,20 \leq M \leq 5,00$
4	Thường xuyên	Tốt	$3,40 \leq M < 4,20$
3	Khá thường xuyên	Khá	$2,60 \leq M < 3,40$
2	Thỉnh thoảng	Trung bình	$1,80 \leq M < 2,60$
1	Không bao giờ	Yếu	$1,00 \leq M < 1,80$

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở trường Nam Việt

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng công tác lập kế hoạch HĐGDHN cho HS THPT ở trường Nam Việt

STT	Nội dung công tác lập kế hoạch	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kế hoạch GDHN cho HS được xây dựng trong kế hoạch năm học của nhà trường	4.07	0.93	4.09	0.97
2	Xác định những mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, phương thức và giải pháp thực hiện kế hoạch GDHN	4.06	0.94	3.97	0.76
3	Xác định các điều kiện CSVC, tài chính thực hiện HĐHN	3.93	0.99	3.83	0.89
4	Xác định các thể mạnh và khó khăn của nhà trường trong việc thực hiện HĐHN	3.88	0.99	3.88	1.07
5	Xác định các biện pháp phối hợp với các lực lượng giáo dục khác thực hiện HĐHN	3.66	1.01	3.59	1.09
6	Phổ biến công khai kế hoạch HĐHN cho HS, GV trong toàn trường trên các trang Website, Zalo, Facebook...	3.70	1.08	3.87	1.01
ĐTBC		3.88	0.99	3.87	0.96

Kết quả khảo sát tại bảng 2 cho thấy công tác lập kế hoạch GDHN tại trường Nam Việt được đánh giá ở mức khá tốt, với ĐTBC là 3.88 (mức độ thực hiện) và 3.87 (kết quả thực hiện), với ĐLC <1 cho thấy ý kiến của CBQL và GV tương đối thống nhất.

- Về mức độ thực hiện:

Các nội dung được thực hiện cao nhất là: lồng ghép GDHN vào kế hoạch năm học ĐTB = 4.07; xác định mục tiêu, phương thức và giải pháp cụ thể ĐTB = 4.06. Điều này chứng tỏ nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch GDHN một cách bài bản, có định hướng rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục toàn diện.

Ngược lại, hai nội dung có mức độ thực hiện thấp nhất là: phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ĐTB = 3.66 và công khai kế hoạch GDHN có ĐTB = 3.70. Điều này cho thấy hoạt động liên kết với cộng đồng và truyền thông nội bộ vẫn còn hạn chế, cần được tăng cường để kế hoạch GDHN trở nên toàn diện và bền vững hơn.

- Về kết quả thực hiện:

Kết quả đạt được phản ánh khá sát với mức độ triển khai. Hai nội dung có kết quả cao nhất vẫn là: lồng ghép kế hoạch GDHN vào kế hoạch năm học ĐTB = 4.09 và xác định mục tiêu, giải pháp ĐTB = 3.97. Trong khi đó, kết quả thấp nhất thuộc về nội dung phối hợp lực lượng giáo dục khác ĐTB = 3.59, cho thấy việc huy động nguồn lực bên ngoài chưa mang lại hiệu quả rõ nét.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch GDHN tại trường Nam Việt đã có nền tảng tương đối vững chắc, thể hiện qua việc xác định rõ mục tiêu, giải pháp và tích hợp hiệu quả vào kế hoạch chung của năm học. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động này, nhà trường cần chú trọng hơn đến việc xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, tăng cường huy động các lực lượng xã hội và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong truyền thông kế hoạch, đảm bảo đồng bộ của toàn hệ thống từ Ban Giám hiệu, GV, HS đến phụ huynh (PH) và cộng đồng xã hội.

3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở trường Nam Việt

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng tổ chức thực hiện HĐGDHN cho HS THPT ở trường Nam Việt

STT	Nội dung tổ chức thực hiện	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Định hướng để GV lựa chọn nội dung GDHN phù hợp cho HS	4.04	0.90	4.10	0.89
2	Yêu cầu GV thực hiện các nội dung GDHN cho HS theo quy định	3.90	1.04	4.06	0.98
3	Tạo điều kiện và hỗ trợ để GV thực hiện nhiều nội dung GDHN cho HS	3.86	0.91	3.62	1.13
4	Tập huấn cho GV trao đổi về nội dung GDHN cho HS	3.96	0.98	3.66	1.04
5	Dự giờ và góp ý cho GV về nội dung GDHN cho HS	3.79	1.08	3.84	0.99
6	Khuyến khích và hướng dẫn GV cập nhật những nội dung GDHN cho HS	3.62	1.14	4.08	1.00
ĐTB		3.86	1.0	3.89	1.0

Tổ chức thực hiện HĐGDHN là một khâu quan trọng trong quá trình quản lý giáo dục (QLGD), có vai trò chuyển hóa kế hoạch thành hành động thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Trong lĩnh vực GDHN, tổ chức thực hiện đóng vai trò cầu nối giữa ý tưởng quản lý và tác động cụ thể đến HS thông qua các hoạt động do GV triển khai. Việc tổ chức tốt các HĐGDHN không chỉ góp phần nâng cao chất lượng định hướng nghề nghiệp mà còn giúp HS phát triển năng lực lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân.

Để đánh giá khách quan và toàn diện thực trạng tổ chức thực hiện HĐGDHN ở trường Nam Việt, của đội ngũ CBQL và GV. Kết quả thu được được trình bày trong bảng 3, phản ánh mức độ thực hiện cũng như kết quả đạt được trong quá trình triển khai HĐGDHN tại nhà trường.

- Về mức độ thực hiện:

Điểm trung bình chung của các nội dung đạt 3.86, cho thấy hoạt động tổ chức thực hiện GDHN tại trường được đánh giá ở mức khá. Trong đó nội dung được đánh giá cao nhất là “Định hướng để GV lựa chọn nội dung GDHN phù hợp cho HS” ĐTB = 4.04, thể hiện sự chủ động của nhà trường trong việc cung cấp định hướng phù hợp. Ngược lại nội dung thấp nhất là “Khuyến khích và hướng dẫn GV cập nhật nội dung GDHN” ĐTB = 3.62, phản ánh sự cần thiết tăng cường hơn nữa công tác hỗ trợ GV trong việc đổi mới và cập nhật nội dung giáo dục.

- Về kết quả thực hiện:

Điểm trung bình chung kết quả thực hiện đạt 3.89, tương đương với mức khá, phản ánh hiệu quả tổ chức các HĐGDHN tương đối tốt. Đáng chú ý, nội dung đạt kết quả cao nhất là “Khuyến khích và hướng dẫn GV cập nhật nội dung GDHN” ĐTB = 4.08, cho thấy mặc dù mức độ tổ chức chưa cao, nhưng kết quả đạt được lại khá tích cực. Ngược lại, nội dung “Tạo điều kiện và hỗ trợ để GV thực hiện nhiều nội dung GDHN” có ĐTB thấp nhất là 3.62, cho thấy việc hỗ trợ GV còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng triển khai đa dạng các HĐGDHN.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy công tác tổ chức thực hiện HĐGDHN ở trường Nam Việt đã có nền tảng triển khai khá rõ ràng, nhưng vẫn còn những mặt hạn chế cần cải thiện, đặc biệt trong việc hỗ trợ GV và tạo

môi trường chuyên môn tích cực. Việc nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện GDHN đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa đội ngũ quản lý và GV, cùng với việc cập nhật nội dung, phương pháp phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục và nhu cầu thực tế của HS.

3.3. Thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở trường Nam Việt

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện HĐGDHN cho HS THPT ở trường Nam Việt

STT	Nội dung chỉ đạo thực hiện	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo tập thể sư phạm nhà trường nghiên cứu các nội dung HĐHN và các quy định hướng dẫn thực hiện HĐGDHN hiện hành	3.70	0.95	3.64	0.96
2	Chỉ đạo quán triệt thực hiện mục tiêu, nội dung HĐGDHN	3.82	0.89	3.78	0.86
3	Chỉ đạo lựa chọn, vận dụng phương thức tổ chức HĐGDHN phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và của địa phương	3.51	1.02	3.74	1.02
4	Chỉ đạo phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường thực hiện HĐGDHN cho HS THPT	3.76	0.90	4.00	1.16
5	Chỉ đạo việc cấp kinh phí, CSVC, phương tiện cho việc thực hiện HĐGDHN cho HS THPT	3.64	0.92	3.66	0.95
6	Chỉ đạo tổng kết quá trình thực hiện HĐGDHN nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm	3.90	0.81	3.57	0.96
ĐTB		3.72	0.91	3.73	0.95

Trong QLGD, công tác chỉ đạo là khâu then chốt giúp định hướng, điều phối và thúc đẩy các hoạt động chuyên môn trong nhà trường diễn ra đúng kế hoạch, đạt mục tiêu đề ra. Vai trò chỉ đạo của CBQL và GV không chỉ thể hiện ở việc ban hành chủ trương mà còn ở quá trình tổ chức, hỗ trợ, kiểm tra và đánh giá các hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả thiết thực đối với HS. Việc khảo sát, đánh giá thực trạng công tác chỉ đạo thực hiện HĐGDHN vì vậy có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện những thuận lợi, khó khăn từ thực tiễn, làm cơ sở cho các đề xuất cải tiến phù hợp. Kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ CBQL, GV tại trường Nam Việt về công tác chỉ đạo thực hiện HĐGDHN được trình bày trong bảng 4, phản ánh cả mức độ thực hiện và kết quả đạt được ở 6 nội dung cụ thể.

- Về mức độ thực hiện:

Điểm trung bình chung mức độ thực hiện các nội dung đạt 3.72, tương ứng với mức khá. Điều này cho thấy công tác chỉ đạo HĐGDHN tại trường đã được quan tâm triển khai một cách tương đối đồng bộ. Nội dung có mức thực hiện cao nhất là “Chỉ đạo tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm” ĐTB = 3.90, thể hiện sự chú trọng của nhà trường đến khâu đánh giá, phản hồi, qua đó nâng cao chất lượng tổ chức GDHN trong những lần triển khai tiếp theo. Nội dung có mức thực hiện thấp nhất là “Lựa chọn, vận dụng phương thức tổ chức phù hợp” ĐTB = 3.51, cho thấy công tác chỉ đạo còn thiếu sự linh hoạt hoặc chưa kịp thời hướng dẫn GV khai thác tối ưu các phương thức tổ chức GDHN phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Về kết quả thực hiện:

Điểm trung bình chung kết quả thực hiện đạt 3.73 tương ứng mức khá, cho thấy hiệu quả đạt được từ hoạt động chỉ đạo nhìn chung tương đối tích cực. Kết quả cao nhất là “Phối hợp lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường” ĐTB = 4.00, thể hiện nhà trường có sự kết nối tốt với các bên liên quan như doanh nghiệp, cựu HS, PH. để hỗ trợ công tác HN. Ngược lại kết quả thấp nhất lại rơi vào nội dung “Tổng kết, đánh giá” ĐTB = 3.57, dù đây là nội dung có mức độ thực hiện cao nhất, phản ánh khoảng cách giữa chỉ đạo và thực tiễn triển khai - có thể do khâu tổng kết còn hình thức hoặc thiếu chiều sâu.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo thực hiện HĐGDHN ở trường Nam Việt nhìn chung đạt mức khá, với điểm mạnh nổi bật là chú trọng tổng kết, đánh giá và phối hợp các lực lượng xã hội. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số nội dung có mức độ thực hiện chưa cao, như hướng dẫn GV lựa chọn phương thức tổ chức phù hợp, hay đảm bảo các điều kiện hỗ trợ thực hiện. Điều này cho thấy sự cần thiết phải nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, tăng cường hướng dẫn chuyên môn và đảm bảo điều kiện thực hiện để thúc đẩy hiệu quả GDHN thực chất, phù hợp với năng lực HS và yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

3.4. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở trường Nam Việt

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDHN cho HS THPT ở trường Nam Việt

STT	Nội dung công tác kiểm tra, đánh giá	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kiểm tra công tác lập kế hoạch HĐGDHN của GV	3.60	0.96	3.98	0.97
2	Kiểm tra thực hiện các nội dung giáo GDHN của từng khối lớp	4.03	1.03	4.08	0.95
3	Kiểm tra việc sử dụng, vận dụng các phương thức tổ chức HĐGDHN	3.81	1.09	4.08	0.99
4	Kiểm tra kết quả thực hiện HĐGDHN (về mức độ đạt được của các phẩm chất và năng lực định hướng nghề nghiệp của HS so với yêu cầu cần đạt được ở từng khối lớp)	3.98	1.06	3.82	0.88
5	Kiểm tra các điều kiện đảm bảo thực hiện HĐGDHN (nhân lực, tài lực, vật lực phục vụ HĐHN)	3.78	1.17	3.64	0.98
ĐTB		3.84	1.06	3.92	0.95

Kiểm tra, đánh giá giữ vai trò quan trọng nhằm đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động chuyên môn, trong đó có GDHN. Thông qua kiểm tra, nhà trường không chỉ phát hiện được những điểm mạnh để phát huy, mà còn kịp thời điều chỉnh những hạn chế trong quá trình triển khai. Đồng thời, công tác đánh giá giúp xác định mức độ đạt được của mục tiêu giáo dục, từ đó cung cấp cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc ra quyết định quản lý. Để phản ánh khách quan thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDHN tại trường Nam Việt, bảng 5 trình bày kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ CBQL và GV đối với năm nội dung cụ thể.

- Về mức độ thực hiện:

Điểm trung bình chung của mức độ thực hiện là 3.84, nằm trong khoảng khá, cho thấy các nội dung kiểm tra, đánh giá được thực hiện tương đối đồng bộ và có định hướng rõ ràng. Nội dung có mức độ thực hiện cao nhất là “*kiểm tra việc thực hiện các nội dung GDHN theo từng khối lớp*” ĐTB = 4.03, cho thấy nhà trường đặc biệt chú trọng theo dõi tiến trình triển khai nội dung GDHN theo chương trình quy định. Nội dung có mức độ thực hiện thấp nhất là “*kiểm tra công tác lập kế hoạch HĐGDHN của GV*” có ĐTB = 3.60, cho thấy sự giám sát trong giai đoạn đầu của quy trình còn chưa được thực hiện thường xuyên hoặc đầy đủ.

- Về kết quả thực hiện:

Điểm trung bình chung của kết quả thực hiện đạt 3.92, cao hơn mức độ thực hiện (3.84) và nằm trong khoảng khá cao, phản ánh rằng dù mức độ triển khai còn một số hạn chế, nhưng hiệu quả mang lại từ công tác kiểm tra, đánh giá là rõ rệt. Hai nội dung có kết quả cao nhất cùng đạt ĐTB = 4.08, gồm “*Kiểm tra thực hiện nội dung GDHN theo khối lớp*” và “*Kiểm tra vận dụng phương thức tổ chức HĐGDHN*” điều này phản ánh hiệu quả kiểm tra đã tác động tích cực đến chất lượng triển khai GDHN ở các lớp học và các hình thức tổ chức hoạt động. Ngược lại, nội dung có kết quả thấp nhất là “*kiểm tra các điều kiện đảm bảo thực hiện GDHN*” có ĐTB = 3.64, cho thấy công tác kiểm tra điều kiện như nhân lực, tài lực, CSVC chưa mang lại nhiều cải thiện hoặc chưa được quan tâm đúng mức.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá HĐGDHN tại trường Nam Việt được đánh giá ở mức khá, với hiệu quả thực hiện được ghi nhận cao hơn mức độ triển khai. Điều này phản ánh rằng mặc dù công tác kiểm tra chưa thực sự đồng đều ở mọi khâu, nhưng khi được thực hiện, nó mang lại tác động tích cực rõ rệt, đặc biệt trong việc điều chỉnh nội dung và phương pháp tổ chức HĐGDHN phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng GDHN, cần tăng cường giám sát từ khâu lập kế hoạch đến việc đảm bảo điều kiện triển khai, đồng thời đẩy mạnh vai trò phản hồi và điều chỉnh sau kiểm tra.

3.5. Thực trạng tổ chức các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở trường Nam Việt

Điều kiện đảm bảo là yếu tố nền tảng trong việc triển khai hiệu quả các HĐGDHN. Bao gồm các yếu tố như kinh phí, CSVC, tài liệu, công cụ hỗ trợ và nguồn nhân lực, những điều kiện này có vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa các kế hoạch giáo dục, tạo lập môi trường thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập HN. Do đó, khảo sát thực trạng tổ chức các điều kiện đảm bảo là bước cần thiết để đánh giá tính khả thi và mức độ sẵn sàng của nhà trường trong việc triển khai GDHN một cách bền vững, theo kết quả khảo sát tại bảng 6.

- Về mức độ thực hiện:

Điểm trung bình chung của mức độ thực hiện đạt 3.85, thuộc mức khá, cho thấy các điều kiện đảm bảo cho HĐGDHN đã được nhà trường quan tâm và tổ chức tương đối đầy đủ. Nội dung có mức độ thực hiện cao nhất là “*Đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu, công cụ về HĐGDHN*” ĐTB = 4.04, phản ánh sự chủ động trong việc

hỗ trợ chuyên môn cho GV và HS. Nội dung có mức độ thực hiện thấp nhất là “*Đảm bảo điều kiện CSVC*” ĐTB = 3.69, điều này cho thấy hạn chế về CSVC vẫn là điểm yếu cần khắc phục, đặc biệt trong bối cảnh GDHN đòi hỏi các hoạt động trải nghiệm, thực hành.

- Về kết quả thực hiện:

Điểm trung bình chung của kết quả thực hiện là 3.87, cao hơn mức độ thực hiện, cho thấy mặc dù còn một số hạn chế trong tổ chức điều kiện đảm bảo, nhưng kết quả mang lại là tích cực. Nội dung đạt kết quả thực hiện cao nhất là “*Nâng cao ý thức trách nhiệm của các lực lượng giáo dục trong việc sử dụng hiệu quả kinh phí, CSVC cho HĐGDHN cho HS*” ĐTB = 4.00, thể hiện hiệu quả của công tác phối hợp và trách nhiệm tập thể trong việc sử dụng nguồn lực GDHN. Ngược lại, nội dung có kết quả thấp nhất là “*Đảm bảo điều kiện CSVC HĐGDHN cho HS*” ĐTB = 3.66, trùng với mức độ thực hiện thấp nhất, cho thấy vấn đề này ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả triển khai các HĐGDHN.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy, các điều kiện đảm bảo cho HĐGDHN tại trường Nam Việt nhìn chung đã được quan tâm và đầu tư ở mức khá. Việc cung cấp tài liệu, công cụ và kinh phí được đánh giá cao, giúp hỗ trợ đáng kể cho việc thực hiện chương trình. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất vẫn là hệ thống CSVC, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai các hoạt động mang tính thực tiễn, trải nghiệm - yếu tố cốt lõi trong GDHN. Để nâng cao chất lượng GDHN, nhà trường cần ưu tiên cải thiện CSVC, đồng thời duy trì và phát huy trách nhiệm của các lực lượng giáo dục trong quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có.

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng tổ chức các điều kiện đảm bảo HĐGDHN cho HS THPT ở trường Nam Việt

STT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Đảm bảo kinh phí tổ chức HĐGDHN cho HS	3.96	1.05	3.98	0.94
2	Đảm bảo điều kiện CSVC HĐGDHN cho HS	3.69	0.99	3.66	1.06
3	Nâng cao ý thức trách nhiệm của các lực lượng giáo dục trong việc sử dụng hiệu quả kinh phí, CSVC HĐGDHN cho HS	3.71	0.90	4.00	0.96
4	Đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu, công cụ về HĐGDHN cho HS	4.04	0.94	3.84	0.95
ĐTB		3.85	0.97	3.87	0.98

3.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở trường Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh

* Ưu điểm

Trong thời gian qua, công tác QLHĐGDHN cho HS THPT ở trường Nam Việt đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức của đội ngũ CBQL và GV về vai trò, ý nghĩa của GDHN ngày càng được nâng cao, thể hiện qua việc nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch, xác định được chức năng, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cụ thể cho các lực lượng tham gia.

Bên cạnh đó, các hình thức GDHN được triển khai tương đối phong phú và linh hoạt, bao gồm hoạt động trải nghiệm thực tế, tư vấn nghề nghiệp, lồng ghép nội dung GDHN trong các môn học và tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề. Đội ngũ GV làm công tác HN có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hỗ trợ HS trong quá trình tìm hiểu và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân.

Nhà trường cũng bước đầu tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp, tổ chức xã hội nhằm tạo điều kiện cho HS tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp. Trong bối cảnh nhu cầu thị trường lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng đa dạng, các yếu tố ngoại cảnh như cơ hội việc làm và chính sách khuyến khích học nghề cũng tác động tích cực đến định hướng nghề nghiệp của HS.

* Hạn chế

Mặc dù đã có những nỗ lực nhất định, song việc QLHĐGDHN tại trường Nam Việt vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Trước hết, nội dung HN còn thiếu chiều sâu, chưa thật sự gắn kết chặt chẽ với thực tiễn ngành nghề và thị trường lao động. Một số hoạt động vẫn còn mang tính hình thức, thiếu sức hấp dẫn và chưa khơi gợi được sự chủ động từ phía HS.

Việc lập kế hoạch GDHN dù được thực hiện hằng năm nhưng còn mang tính hành chính, chưa có chiều sâu về nội dung, thiếu sự tham khảo từ nhu cầu thực tiễn và khả năng triển khai thực tế. Công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả HĐGDHN chưa được chú trọng, còn thiếu các tiêu chí cụ thể để đo lường mức độ ảnh hưởng đến HS.

Ngoài ra, nhà trường hiện chưa có đội ngũ GV chuyên trách làm công tác HN; phần lớn GV còn kiêm

nhiệm nên gặp khó khăn về thời gian và chuyên môn. CSVC, tài liệu, thiết bị phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm HN còn hạn chế. Sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ HS và các tổ chức xã hội vẫn còn rời rạc, thiếu tính hệ thống và chiều sâu.

* Nguyên nhân của hạn chế

Một số nguyên nhân chính dẫn đến các hạn chế nêu trên có thể kể đến như sau:

Nhận thức về vai trò của GDHN ở một bộ phận cán bộ, GV và HS còn chưa đầy đủ, chưa xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển nhà trường.

Nhà trường chưa thực sự phát huy hiệu quả vai trò của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường, trong đó có PH và doanh nghiệp.

Bộ máy tổ chức HĐGDHN còn thiếu tính chuyên sâu; GV chưa được đào tạo bài bản về tư vấn nghề nghiệp, chủ yếu làm việc theo kinh nghiệm.

Áp lực từ chương trình học chính khóa, thi cử khiến việc bố trí thời lượng và nguồn lực cho HĐHN gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho HĐHN chưa được đầu tư đầy đủ và đồng bộ.

4. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn tại trường Nam Việt, Thành phố Hồ Chí Minh, có thể khẳng định rằng công tác QLHĐGDHN đã và đang nhận được sự quan tâm nhất định từ phía nhà trường. Nhận thức của CBQL, GV và HS về vai trò, ý nghĩa của HĐGDHN ngày càng được nâng cao. Các HĐGDHN đã được triển khai tương đối đa dạng, bám sát định hướng phân luồng HS sau THPT, góp phần định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân, đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức và QLHĐGDHN vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế như: nội dung hoạt động chưa sâu sát với thực tiễn; hình thức tổ chức còn đơn điệu; thiếu đội ngũ chuyên trách và công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, điều kiện đảm bảo về CSVC, tài liệu HN và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường còn nhiều bất cập.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật là sự thiếu đồng bộ trong nhận thức, chính sách và nguồn lực triển khai. Do đó, cần thiết phải đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, khả thi và sát với thực tiễn của nhà trường, nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDHN, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phân luồng HS và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam. (2019). *Báo cáo về tình hình thị trường lao động và giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam*. Nhà xuất bản Lao động.
- Bureau of Labor Statistics. (2023). *School and career counselors and advisors*. U.S. Department of Labor. <https://www.bls.gov/ooh/community-and-social-service/school-and-career-counselors.htm>
- Bùi, V. H. (2013). *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường dạy nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động* (Luận án tiến sĩ).
- Nurmi, J., Lehtonen, J., & Vuorinen, R. (2025). Career practitioners' conceptions of career management skills at Finnish universities of applied sciences. *International Journal for Educational and Vocational Guidance*. <https://doi.org/>
- Phạm, V. K. (2012). *Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học các môn khoa học tự nhiên ở trường trung học phổ thông khu vực Nam Trung Bộ* (Luận án tiến sĩ).
- SkillsFuture Singapore. (2021). *Education and career guidance (ECG)*. <https://www.skillsfuture.gov.sg>
- UNESCO. (2020). *Professional counselling and career guidance for holistic education*. UNESCO.

The current state of career guidance management for high school students at Nam Viet Secondary and High School, Ho Chi Minh City

Le Nhu Dang¹, Phan Minh Tien²

¹Nam Viet Secondary and High School, Ho Chi Minh City

²Department of Psychology and Education, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 08 August 2025

Received in revised form: 25 October 2025

Accepted: 26 October 2025

Published: 20 December 2025

Keywords:

Educational management;

Career guidance;

High school;

Nam Viet.

Corresponding author:

Phan Minh Tien

E-mail address:

tienpm58@gmail.com

ABSTRACT

This study analyzes the current situation of managing career guidance activities for high school students at Nam Viet School, Ho Chi Minh City. The research applies survey questionnaires, interviews, observations, and statistical methods, with administrators, teachers, and students as participants. Findings indicate that the school has developed plans, organized, and directed career guidance activities; however, limitations remain in content, implementation forms, facilities, and coordination mechanisms. The study evaluates the strengths, weaknesses, and causes of these issues, and suggests directions for improvement in the future.